

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 137/2018/HSST
Ngày 18-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiên Nga.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Thủy và bà Phạm Thị Dung

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Dương, cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh tham
gia phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Hoàng : Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B công
khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 138/2018/HSST ngày 20-9-2018
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 134/QĐXX ngày 02-10-2018
đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 02/9/1965. Nơi cư
trú: Tổ 2, khu 8, phường S, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Nghề nghiệp: Lao
động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn
giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng Kh (đã chết) và bà
Phạm Thị T; Có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991.
Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Không có; Bị cáo được áp
dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 10/8/2018 hiện tại ngoại nơi cư trú,
có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

Chị **Trần Thị Thanh T** (Tên gọi khác: Không); **sinh năm:** 1995.

Chỗ ở hiện tại: Khu 12 phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ĐKNKTT: Xóm 9, xã C, huyện S, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt (Có đơn
xin xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

Anh Nguyễn Thành C (Tên gọi khác: Không); sinh: 1991

Nơi cư trú: Tổ 4, khu 8, phường S, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, vắng
mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 07/8/2018, Nguyễn Văn K đi từ nhà đến cửa hàng điện thoại “Thế giới di động” ở số 487 đường T, thuộc phường T, thành phố B để mua điện thoại di động. Khi đến cửa hàng, K chọn mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 Prime và ra quầy thu ngân để làm thủ tục thanh toán. Khoảng 22 giờ cùng ngày, trong lúc nhân viên cửa hàng đi tìm hộp đựng điện thoại thì K nhìn thấy chị Trần Thị Thanh T (sinh năm 1995, trú tại xã C, huyện S, tỉnh Ninh Bình, là nhân viên của cửa hàng) đi từ trong quầy thu ngân ra và để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (màu vàng, có ốp bằng nhựa trong suốt) của chị T trên mặt bàn trước mặt K rồi đi ra chỗ khác. Lợi dụng lúc không có ai trông coi, K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. K đã lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần phía trước bên phải K đang mặc rồi tiếp tục đợi nhân viên đi tìm hộp điện thoại. Một lúc sau, K nhận được chiếc hộp và điện thoại chọn mua, K thanh toán tiền rồi ra về. Khi về đến nhà, K tháo sim của chiếc điện thoại trộm cắp được (để sau ốp lưng điện thoại), đồng thời tắt nguồn rồi giấu trong tủ quần áo của gia đình. Trong ốp điện thoại còn có 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 Việt Nam đồng.

Sau khi K ra về, chị T phát hiện bị mất điện thoại nên đã cùng một số nhân viên xem lại hình ảnh camera an ninh thì nhận ra được K là người đã trộm cắp điện thoại của mình. Ngày 08/8/2018, chị Trần Thị Thanh T có đơn trình báo sự việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Cùng ngày, Nguyễn Văn K được triệu tập đến Cơ quan điều tra làm việc. Quá trình điều tra, K đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như đã nêu trên. K đã giao nộp tại Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động Iphone 6 (màu vàng, đã qua sử dụng, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt); 01 sim điện thoại liên lạc số 01698.747.648 và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 65, ngày 09/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng) có giá trị là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Quá trình điều tra Nguyễn Văn K khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bị hại là chị Trần Thị Thanh T và người làm chứng là anh Nguyễn Thành C, vắng mặt **tại phiên tòa** xong có lời khai tại cơ quan điều tra xác nhận sự việc như lời khai nhận tội của bị cáo.

Bản Cáo trạng số 143/KSĐT-HS ngày 19-9-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; **các** điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 06 (Sáu) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản thu hồi đã được trả lại bị hại nên việc bồi thường không đặt ra

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận: Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người đúng tội, không oan, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định, tài liệu, chứng cứ, của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tài liệu chứng cứ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập sử dụng tại phiên tòa của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo Nguyễn Văn K:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn K tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 07/8/2018, tại cửa hàng “Thế giới di động”, ở số 487 đường T, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn K đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút trộm cắp một chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 (màu vàng, đã qua sử dụng, có ốp bằng nhựa trong suốt, trong lắp sim liên lạc) có giá trị là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và số tiền 100.000 đồng

(Một trăm nghìn đồng) để trong ốp điện thoại, của chị Trần Thị Thanh T. Tổng giá trị tài sản K đã trộm cắp là **3.100.000 đồng** (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K đủ yếu tố cấu thành tội **“Trộm cắp tài sản”** quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn K

[3.1] Về hình phạt chính:

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; **phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng**; tự nguyện nộp lại tài sản để khắc phục hậu quả; đồng thời, bị hại là chị T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử sau khi xem xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ để bị cáo **cải tạo** cho bản thân ý thức chấp hành và tôn trọng pháp luật.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội **“Trộm cắp tài sản”** còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^d (Năm triệu đồng) đến 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Văn K là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy

định của pháp luật.

Từ nhận định trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn K đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: **Nguyễn Văn K 06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo **khoản 1 Điều 69** Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

3. Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết ../

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP B;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thiên Nga